| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 19/2024/HNGĐ-ST
Ngày 19-3-2024
V/v ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Đỗ Thị Thúy Năng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đặng Công Thắng

Ông Nguyễn Phi Hùng

***- Thư ký phiên toà***: Bà Lê Thị Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Anh Pha – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 43/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2023, về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hoàng L, sinh năm 1991. Địa chỉ: Tổ I, A, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam (có đơn xét xử vắng mặt).

*2. Bị đơn:* Ông Singh Pal H, SINH năm 1976. Địa chỉ: 2201 S 4th S, V, N, Hoa Kỳ (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

** Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 05 năm 2023 và tại bản tự khai, nguyên đơn bà* Nguyễn Thị Hoàng L *trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông S Pal Hemendra đăng ký kết hôn vào ngày 14/12/2021 tại Ủy ban nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng. Ông bà chưa tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống Việt Nam. Hai bên có tìm hiểu nhau qua mạng xã hội. Sau khi làm thủ tục kết hôn, ông bà có sinh sống với nhau

trong một thời gian ngắn tại căn hộ được thuê ở Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống có phát sinh nhiều vấn đề và mâu thuẫn, đỉnh điểm là vào tháng 05/2022, ông H trở lại Mỹ, hai ông bà không còn liên lạc với nhau. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Singh Pal H.

- Về con chung: Bà và ông Singh Pal H không có con chung.

- Về tài sản chung: Bà và ông S Pal Hemendra không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Bà và ông S Pal Hemendra không có nợ chung.

Ngày 28/02/2024, bà L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 05/02/2024, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng nhận được Công văn số 103/BTP-PLQT của Bộ Tư pháp về kết quả ủy thác tư pháp tống đạt đối với bị đơn ông Singh Pal H.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Kiểm sát viên nhân dân thành phố Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là tuân thủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Hoàng L và ông Singh Pal H.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Án phí và các chi phí tố tụng khác, bà L phải chịu theo quy định pháp luật.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Hoàng L, có địa chỉ: tổ I, A, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam và bị đơn ông Singh Pal H, có địa chỉ: 2201 S 4th S, V, N, 08043, Hoa Kỳ nên vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, theo quy định tại các Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 123, Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình. Các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được áp dụng đối với yêu cầu xin ly hôn có yếu tố nước ngoài của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoàng L và bị đơn ông S Pal Hemendra theo quy định tại Điều 122 của Luật hôn nhân và gia đình.

Ngày 05/02/2024, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng nhận được Công văn số: 2537/BTP-PLQT ngày 04/10/2022 của Bộ Tư pháp về việc kết quả ủy thác tư pháp, theo đó Cơ quan có thẩm quyền Hoa Kỳ đã thực hiện việc tống đạt hồ sơ trực tiếp cho đương sự ông Singh Pal H vào ngày 03-11-2023. Tuy nhiên, cho đến ngày xét xử hôm nay, ông Singh Pal H vẫn vắng mặt.

Ngày 29/02/2024, bà Nguyễn Thị Hoàng L có đơn xét xử vắng mặt. Vì vậy, HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 228 và điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Hoàng L và ông Singh Pal H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Vào ngày 14/12/2021, bà Nguyễn Thị Hoàng L đăng ký kết hôn với ông S Pal Hemendra tại Ủy ban nhân dân quận S, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây quan hệ hôn nhân hợp pháp, nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo bà L, sau khi kết hôn, bà L sống tại Đà Nẵng, còn ông Singh Pal H trở về Hoa Kỳ. Vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn từ tháng 5/2022 và từ đó đến nay không còn liên lạc. Nay, bà L thấy tình cảm vợ chồng thật sự không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Singh Pal H.

Xét yêu cầu ly hôn của bà L thấy: Sau khi kết hôn, bà L và ông S Pal Hemendra chỉ chung sống được với nhau một thời gian, sau đó ông Singh P Hemendra quay về Hoa Kỳ sinh sống cho đến nay, còn bà L vẫn sống ở Việt Nam, mỗi người sống mỗi nơi. Xét thấy: Hôn nhân giữa bà L và ông S Pal Hemendra chỉ tồn tại về mặt hình thức, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, HĐXX thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông Singh Pal H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Hoàng L xác định không có, nên HĐXX không đề cập đến.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Hoàng L xác định không có, ông Singh Pal H không có lời khai để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, nên HĐXX không đề cập đến.

[2.4] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Hoàng L xác định không có, ông Singh Pal H không có lời khai để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, nên HĐXX không đề cập đến.

[2.5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

[2.6] Chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài bà L phải chịu theo quy định tại Điều 153 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.7] Về chi phí thực tế phát sinh ủy thác ra nước ngoài: Bà L không phải chịu.

[2.8] Chi phí dịch thuật bà L phải chịu theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên*,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 477, khoản 1 Điều 228; Điều 469, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: *"Ly hôn"* của bà Nguyễn Thị Hoàng L với ông Singh Pal H.

**Xử**:

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Hoàng L được ly hôn với ông Singh Pal H.

**2.** Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hoàng L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0009784 ngày 19/5/2023 của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Bà Nguyễn Thị Hoàng L đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

**3**. Về phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Bà Nguyễn Thị Hoàng L phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) lệ phí ủy thác tống đạt, nhưng được khấu trừ vào tạm ứng đã nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0009836 ngày 17/7/2023 của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Bà Nguyễn Thị Hoàng L đã nộp đủ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

**4.** Về chi phí dịch thuật và chứng thực: Bà Nguyễn Thị Hoàng L phải chịu 1.150.000 đồng (Một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) (đã nộp, đã chi).

**5.** Về chi phí thực hiện ủy thác tư pháp: Bà Nguyễn Thị Hoàng L phải chịu 95 USD, bà L đã nộp đủ theo giấy nộp tiền ngày 14/7/2023 tại Ngân hàng N – Chi nhánh N1.

**6.** Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoàng L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ; bị đơn ông Singh Pal H không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận***
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Cục Thi hành án dân sự TP. Đà Nẵng;
- UBND quận S;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Thúy Năng**